

CÔNG TY CỔ PHẦN VIAN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty cổ phần VIAN được chuyển đổi từ Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh theo quyết định số 90/2000/QĐ/BNN-TCCB ngày 15/8/2000 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000210 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 06/06/2007 (thay đổi lần 5).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2009 là 12.000.000.000 đồng, trong đó nhà nước (Tổng công ty Rau quả, nông sản) nắm giữ 14.57 % vốn điều lệ.

2. Quá trình phát triển

a. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh thiết bị vật tư ngành công nghiệp thực phẩm.
- Công nghiệp nước uống có cồn, không cồn.
- Sản xuất phụ tùng thiết bị vật tư công nghệ thực phẩm.
- Sản xuất và buôn bán vật tư nguyên liệu, thiết bị và sản phẩm ngành nông, lâm sản và thực phẩm chế biến, các loại nước uống có cồn và không cồn.
- Lắp đặt và sửa chữa các trang thiết bị cơ điện lạnh và lò hơi.
- Dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Vận tải hàng hoá.
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

b. Quá trình hoạt động

- Giai đoạn 1990-1999 :

Công ty cổ phần VIAN tiền thân là Tổng kho Bắc Sông Hồng, trực thuộc Bộ Lương thực - thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn), có nhiệm vụ dự trữ hàng viện trợ của khối xã hội chủ nghĩa. Trong thập kỷ 90, Nhà nước có chủ trương xóa bỏ bao cấp Tổng kho được Bộ quyết định chuyển đổi thành doanh nghiệp tự hạch toán kinh doanh với tên giao dịch là Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh.

Từ một Tổng kho chuyển thành doanh nghiệp tự hạch toán kinh doanh, Xí nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, về vốn cũng như hướng phát triển sản xuất. Mặc dù khó khăn như vậy, nhưng lãnh đạo Xí nghiệp vẫn quyết tâm từng bước xây dựng Xí nghiệp.

Năm 1991, Xí nghiệp lắp đặt dây truyền sản xuất bia thủ công với công suất thiết kế 2.000 lít/ngày, sản phẩm bia hơi của Xí nghiệp đã nhanh chóng có mặt và đứng vững trên thị trường Đông Anh. Đây là một quyết định đúng đắn sáng suốt mà lãnh đạo Xí nghiệp đã đưa ra

được hướng sản xuất kinh doanh nhằm phát triển xí nghiệp cũng như nâng cao và ổn định đời sống cho cán bộ công nhân viên. Cùng tình hình phát triển chung của nền kinh tế, tháng 4 năm 1994 Xí nghiệp đã đầu tư nâng công suất bia theo thiết kế lên 4.000lít / ngày.

Năm 1997 Xí nghiệp lại đầu tư thêm dây chuyền chế biến vang hoa quả với công suất 300.000 lít dịch/năm (1.000 lít rượu vang/năm).

Năm 1999 đứng trước xu hướng phát triển hội nhập quốc tế, thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Xí nghiệp đầu tư lắp đặt dây chuyền chế biến nước quả với công suất 160 tấn/năm bằng nguồn vốn ODA với tổng số vốn đầu tư là 24 tỷ VNĐ.

- Giai đoạn 2000 đến nay:

Tháng 4/2000, dây chuyền chế biến nước quả lắp đặt xong và được đưa vào hoạt động thương mại. Sản phẩm có tên gọi "Nước ép trái cây VIAN" với các loại khác nhau: nước cam, vải, xoài, đào...Đang trong giai đoạn xây dựng và phát triển thị trường nước quả, Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn có quyết định số 90/2000/QĐ-BNN-TCCB ngày 15/8/2000, về việc chuyển đổi Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh thành Công ty cổ phần VIAN

Ngày 28/3/2001, Xí nghiệp đã chính thức nhận con dấu mới là Công ty cổ phần VIAN. Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Các sản phẩm nước quả của công ty mặc dù được ủy ban CoDeX của Việt Nam cấp huy chương vàng. Nhưng khả năng tiêu thụ thấp do thói quen tiêu dùng của người Việt Nam sử dụng trái cây tươi không qua chế biến nên dây chuyền sản xuất chế biến nước quả không đạt hiệu quả dẫn đến thua lỗ. Đến năm 2003 công ty buộc phải tiến hành đấu thầu bán thanh lý dây chuyền để hạn chế thua lỗ.

Từ năm 2003 đến năm 2006 Công ty đã đầu tư lắp đặt hai dây chuyền sản xuất bia mới với tổng công suất thiết kế 8.000 lít/ngày thay thế cho dây chuyền sản xuất bia cũ 4.000lít/ngày đã trên 10 năm hoạt động, trong đó:

+ Dây chuyền 1: 4.000lít/ngày.

+ Dây chuyền 2: 4.000lít/ngày.

Trong năm 2009 Công ty tiếp tục đầu tư mới hai dây chuyền sản xuất sản phẩm mới và nâng cấp các dây chuyền sản xuất bia, trong đó:

+ Đầu tư dây chuyền sản xuất đá viên tinh khiết với công suất thiết kế 10 tấn/ngày.

+ Đầu tư dây chuyền sản xuất nước tinh lọc đóng bình với công suất thiết kế 120 bình/giờ (loại 18.9 lít/bình).

+ Đầu tư chiều sâu đưa tổng công suất thiết kế hai dây chuyền sản xuất bia từ 8.000lít/ngày lên 12.000 lít/ngày.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 Đánh giá chung :

a) Thuận lợi :

- Năm 2009 giá của một số nguyên liệu nhập khẩu (đầu vào) thấp hơn năm trước, ngoài ra thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm so với năm 2008. Vì thế lợi nhuận năm 2009 cao hơn so với năm trước.

- Công ty đã cải tạo tân trang khu sản xuất và cơ sở hạ tầng đường đi cống rãnh, bảo đảm thực hiện tốt chế độ vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như vệ sinh công nghiệp.

- Hội đồng quản trị đã tăng cường chỉ đạo sát sao mọi hoạt động của Công ty và đề ra nhiều biện pháp để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh ban hành lại một số các văn bản pháp quy trong lĩnh vực quản lý về các mặt : Định mức kinh tế - kỹ thuật, tiết kiệm nguồn nhân lực , tiết kiệm điện nước, an toàn thiết bị, vệ sinh an toàn thực phẩm vệ sinh công nghiệp điều này góp phần giảm chi phí giá thành.

- Tháng 5 năm 2009 Công ty đã đầu tư hoàn thành dây chuyền sản xuất nước đá công suất 10 tấn/ngày đã đi vào hoạt động làm cho doanh thu tăng đã thay thế được các sản phẩm rượu vang, dịch quả tiêu thụ giảm sút.

- Quý 4 năm 2009 công ty đã lắp đặt xong dây chuyền nước uống đóng bình VIAN có công suất 120 bình/giờ. Nước uống đóng bình VIAN được sản xuất theo quy trình công nghệ của Mỹ đạt tiêu chuẩn chất lượng nước uống đóng bình và đã được Sở y tế Hà nội kiểm tra và cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm số 8133/2009/YTHN-CNTC ngày 4 tháng 12 năm 2009, và dây chuyền đi vào hoạt động thương mại vào quý I năm 2010.

- Thương hiệu sản phẩm bia, nước đá viên tinh khiết được người tiêu dùng tin cậy, đặc biệt là người dân địa phương.

b) Khó khăn :

- Ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh thực phẩm đồ uống vì vậy sức cạnh tranh ngày càng cao.

- Hãng Bia Hà Nội đã lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất bia công suất 200 triệu lít/năm (chuẩn bị mở rộng lên 300 triệu lít/năm) trong quý IV/2009 tại Vĩnh Phúc, làm tất cả bia chai của các hãng sản xuất nhỏ (trong đó có Công ty) cũng bị giảm sản lượng tiêu thụ bia chai trong những tháng cuối năm và giảm đáng kể so với những năm trước.

- Do nhu cầu tiêu thụ các loại vang hoa quả ngày một thấp. Vì vậy, tháng 12 năm 2009 Công ty quyết định ngừng sản xuất rượu vang, chỉ còn sản xuất dịch quả theo yêu cầu tiêu thụ của khách hàng.

2 Tình hình thực hiện các chỉ tiêu năm 2009

- Tổng doanh thu: 23.176.150.792 đồng, đạt 111 % so với năm 2008.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.165.772.570 đồng, đạt 125% so với năm 2008.

- Nộp Ngân sách: 6.616.064.621 đồng, đạt 103 % so với năm 2008.

3 Những khoản đầu tư trong lớn năm 2009

- Đầu tư tổ máy lạnh 120HP: 375.900.000 đồng.
- Đầu tư hoàn thành dây chuyền sản xuất đá viên tinh khiết 10 tấn/ngày: 639.368.954 đồng.
- Đầu tư dây chuyền nước uống đóng bình có công suất 120 bình/giờ: 453.870.256 đồng.
- Mua ô tô con: 669.996.100 đồng
- Mua tég lên men, bể cón : 552.252.750 đồng

4 Kế hoạch năm 2010

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2010
1. Tổng doanh thu (đồng)	25.000.000.000
2. Giá vốn hàng bán (đồng)	15.900.000.000
3. Tổng chi phí (đồng)	22.390.000.000
4. Tổng lợi nhuận trước thuế (đồng)	2.610.000.000
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	652.500.000
6. Lợi nhuận sau thuế (đồng)	1.957.500.000
7. Nộp ngân sách (đồng)	7.000.000.000
8. Tỷ lệ trả cổ tức	14 %

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2009

a. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2009	Năm 2008
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	38	34
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	62	66
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	14	13
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	86	87
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	7.3	7.6
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2.8	2.6
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.7	1.5

Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2009	Năm 2008
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	12	10.8
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	9.9	7.9
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	14.5	11.9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	11.9	8.7
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>	%	13.8	10

b. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009

Tài sản (đồng)		Nguồn vốn (đồng)	
I. Tài sản ngắn hạn	5.729.243.662	I. Nợ phải trả	2.064.965.927
II. Tài sản dài hạn	9.257.813.191	II. Vốn chủ sở hữu	12.922.090.926
Tổng cộng	14.987.056.853	Tổng cộng	14.987.056.853

c. Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp

Theo danh sách chốt số lượng cổ đông đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 thì Công ty có 7 cổ đông lớn tăng 2 cổ đông so với năm 2008.

d. Cổ tức năm 2009: 13% (1.300 đ/CP)

e. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2009:

- Số lượng: 1.200.000 cổ phiếu
- Trong đó:* Cổ phiếu phổ thông: 1.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 1.200.000 cổ phiếu
- Trong đó:* Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2009, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 125 % so với năm 2008. Nguyên nhân do giá cả nguyên liệu, vật tư đầu vào giảm so với năm 2008 nên giá thành thấp, hiệu quả kinh doanh có cao hơn năm trước.

- Sản lượng bia tiêu thụ: 2.809.656 lít (bằng 113 % so với năm 2008).
- Doanh thu thực hiện: 22.576.534.871 đồng (bằng 111% năm 2008).
- Lợi nhuận trước thuế thực hiện: 2.165.772.570 đồng (bằng 125% năm 2008).

3. Những tiền bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý

- Tiếp tục ban hành và hoàn thiện các quy định, thông báo liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty như: công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; công tác quản lý và vận hành an toàn các thiết bị sản xuất; công tác bán hàng và quản lý kho, nhằm triệt để tiết kiệm các chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiến hành sắp xếp lại lao động ở một số bộ phận trên nguyên tắc gọn nhẹ và hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo mọi người lao động trong Công ty đều có thu nhập ổn định.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (ĐÃ KIỂM TOÁN)

1. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=(110+120+130+140+150)	100	-	5.729.243.662	4.958.688.107
I.Tiền, các khoản tương đương tiền	110	V.1	273.047.481	743.581.939
1. Tiền	111		273.047.481	743.581.939
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.926.885.700	1.436.476.244
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4		
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	1.883.495.000	1.400.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	43.390.700	36.476.244
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		3.514.310.481	2.768.629.924
1. Hàng tồn kho	141	V.7	3.514.310.481	2.768.629.924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.000.000	10.000.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản thuế phải thu của Nhà nước	154	V.9		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	15.000.000	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200)=210+220+240+250+260)	200	-	9.257.813.191	9.669.295.898
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			

2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		9.153.589.808	8.523.768.325
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	9.153.589.808	8.523.768.325
- Nguyên giá	222		18.227.651.925	16.013.482.439
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.074.062.117)	(7.489.714.114)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13		
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		104.223.383	1.145.527.573
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	104.223.383	1.145.527.573
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16		
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.987.056.853	14.627.984.005
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	-	2.064.965.927	1.907.945.357
I. Nợ ngắn hạn	310		2.038.452.103	1.891.167.311
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1.370.000.000	1.100.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	V.18	65.952.750	10.997.000
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19		
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.20	107.174.795	323.038.011
5. Phải trả công nhân viên	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.21	37.396.100	59.092.100
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	457.928.458	398.040.200
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
II. Nợ dài hạn	330		26.513.824	16.778.046
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	26.513.824	16.778.046
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	-	12.922.090.926	12.720.038.648
I. Vốn chủ sở hữu	410		12.880.701.105	12.675.648.827
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	372.278.796	318.483.251
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	231.810.434	178.014.889
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		82.877.393	48.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	193.734.482	131.150.687
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		41.389.821	44.389.821
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	41.389.821	44.389.821
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)	440		14.987.056.853	14.627.984.005

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	ĐVT		Số Kỳ Nay	Số Đầu Năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22.576.534.871	20.427.794.076
- Doanh thu bán hàng nội địa	02		22.576.534.871	20.427.794.076
2. Các khoản giảm trừ { 03=04+05+06}	03	VI.1	4.638.045.902	4.342.612.976
+ Chiết khấu thương mại	04			
+ Hàng bán trả lại	05	VI.1		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	06		4.638.045.902	4.342.612.976

3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ { 10=01-02-03 }	10	VI.1	17.938.488.969	16.085.181.100
4. Giá vốn hàng bán	11		13.417.265.022	13.144.245.831
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.521.223.947	2.940.935.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.936.821	17.806.076
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	131.111.213	142.263.746
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		131.111.213	142.263.746
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	424.442.827	323.046.700
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.213.314.825	718.433.494
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30=20+(21-22)-(24+25) }	30		2.773.291.903	1.774.997.405
11. Thu nhập khác	31	VI.7	578.679.100	387.206.454
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.186.198.433	423.890.329
13. Lợi nhuận khác {40=31-32}	40		(607.519.333)	(36.683.875)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế { 50=30+40 }	50		2.165.772.570	1.738.313.530
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.35	388.567.175	466.452.911
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9		
17. Lợi nhuận sau thuế (60= 50-51-52)	60		1.777.205.395	1.271.860.619
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80		1.481	1.060

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 (phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		22.579.327.989	20.488.872.875
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(10.430.863.822)	(9.945.096.491)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.091.965.457)	(2.890.105.304)
4	Tiền lãi vay đã trả	04		(103.784.295)	(83.171.646)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(407.612.328)	(576.449.616)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.865.176.951	3.492.509.081
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.642.356.349)	(7.979.263.998)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.767.922.689	2.507.294.901
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	21		(2.181.154.535)	(2.195.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		57.333.334	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.936.821	-

	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.102.884.380)	(2.195.000.000)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.982.000.000	2.135.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.674.344.767)	(1.623.700.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.443.228.000)	(1.219.906.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.135.572.767)	(708.606.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(470.534.458)	(396.311.099)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	743.581.939	1.139.893.038
	Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	273.047.481	743.581.939

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt nam (AVA)
- Địa chỉ: Số 160 Phương Liệt - Quận Thanh Xuân - Hà Nội
- Điện thoại: (043) 8689.566
- Fax: (043) 8686.248
- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA), sau khi tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần VIAN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo các quy định của chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán Việt Nam, có ý kiến như sau :

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VIAN tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.”

Công ty TNHH tư vấn kế toán và kiểm toán Việt Nam (AVA)

2. Kiểm toán nội bộ: Không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: Không có

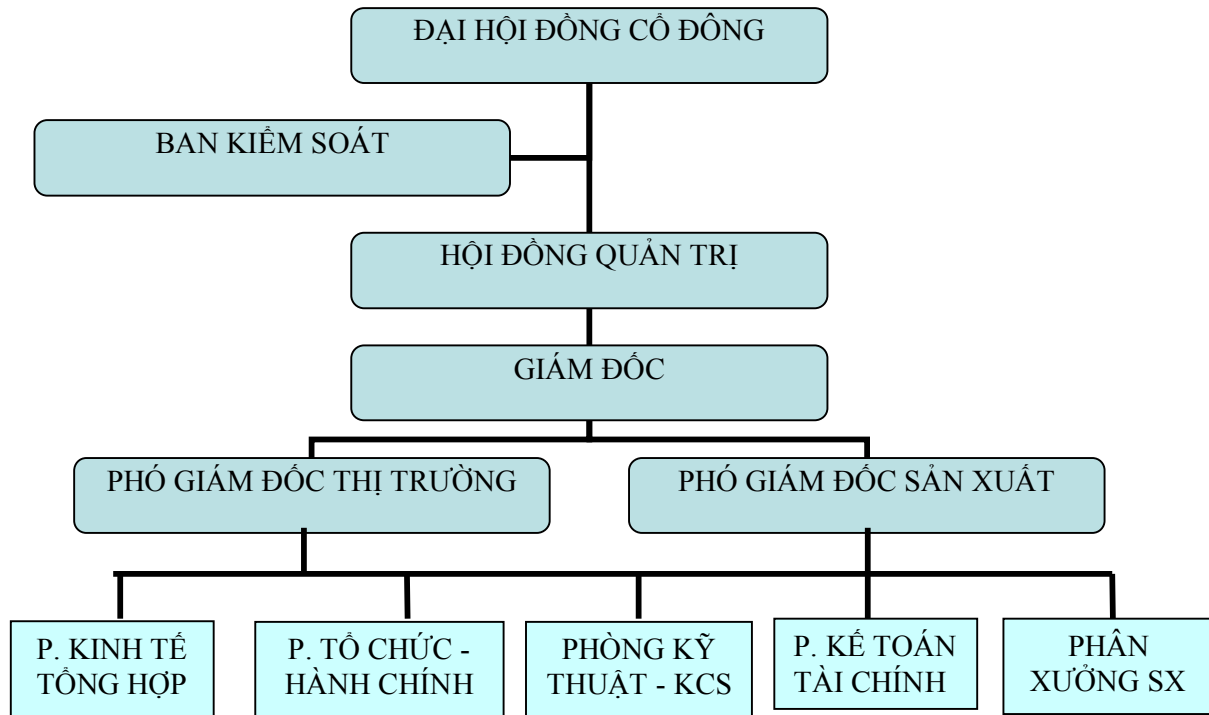
VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

- Công ty được tổ chức hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, 04 phòng ban và 01 phân xưởng sản xuất (có sơ đồ cơ cấu tổ chức).

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC



2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

a. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:

Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động của Công ty là 129 người.

b. Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đào tạo:

Công ty luôn đề cao và coi trọng người lao động, đó là nhân tố hàng đầu để quyết định mọi thành công trong các hoạt động của Công ty. Vì vậy việc đào tạo, nâng cao trình độ người lao động luôn được Công ty chú trọng :

+ Công ty chấp thuận và bố trí thời gian làm việc hợp lý cho người lao động, cho người lao động đi học nâng cao kiến thức, tay nghề tại các trường đại học và trung học khi có nhu cầu.

+ Ngoài ra hàng năm Công ty mở những lớp bồi dưỡng kiến thức tại chỗ cho toàn thể cán bộ, người lao động Công ty về vận hành an toàn máy lạnh công nghiệp, kỹ thuật an toàn vận hành nồi hơi và thiết kế áp lực, kỹ thuật sản xuất bia...

+ Cử cán bộ tham gia các khoá học và các lớp tập huấn ngắn hạn về quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính, chính sách thuế, quản trị nhân sự...

- Chính sách tiền lương:

+ Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động.

+ Công ty thực hiện trả lương cho người lao động trong Công ty theo thang bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các Doanh nghiệp Nhà nước hạng 3.

+ Công ty có quy định về việc xét tăng lương hàng năm cho người lao động, đảm bảo tính minh bạch, công khai.

- Chính sách thưởng:

+ Công ty có quy định về công tác bình xét thi đua và chế độ khen thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể tiên tiến và xuất sắc.

+ Việc xét thi đua và khen thưởng căn cứ vào việc chấp hành nội quy, quy chế của Công ty, thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

+ Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

+ Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động; có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; có chế độ tham quan, nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

+ Ngoài ra, các lao động nữ đang nuôi con nhỏ hoặc đang mang thai cũng được Công ty bố trí làm những công việc nhẹ nhàng hơn.

VII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

a. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và có nhiệm kỳ 05 năm. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đưa ra các quyết định kịp thời vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Thành phần Hội đồng quản trị: nhiệm kỳ 2 (2006-2010)

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Xuân	Chủ tịch	12/01/2006	
Ông Nguyễn Văn Cường	Ủy viên	12/01/2006	
Ông Nguyễn Hữu Doanh	Ủy viên	12/01/2006	
Ông Nguyễn Văn Quân	Ủy viên	12/01/2006	
Ông Đỗ Huy Bình	Ủy viên	12/01/2006	

b. Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị :

- Chủ tịch HĐQT: Ông Lê Văn Xuân

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 21/3/1948
- + Nơi sinh: Hoà Lâm, Ứng Hoà, Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Hoà Lâm, Ứng Hoà, Hà Tây.
- + Địa chỉ thường trú: Số 2, ngõ 97, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.
- + Điện thoại liên lạc: (04).3858.3283- 043.38832342 - 0903437842
- + Trình độ văn hóa: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nhiệt điện - Đại học Bách khoa, Quản lý kinh tế tại Liên Xô (cũ).

Quá trình công tác:

- + 1/1976 - 5/1985: Cán bộ vụ kỹ thuật Bộ lương thực-thực phẩm, Bộ công nghiệp thực phẩm
- + 6/1985 - 3/1987: Chuyên viên văn phòng Bộ Công nghiệp thực phẩm
- + 4/1987 - 3/1992: Phó phòng TC-HC kiêm hiệu phó trường đào tạo CNKT liên hiệp mía đường 1 (nay là Tổng công ty mía đường 1)
- + 4/1992 - 10/1993: Phó giám đốc Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 11/1993 - 10/1995: Giám đốc XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 11/1995 - 02/2001: Phó Giám đốc Công ty sản xuất và dịch vụ vật tư kỹ thuật kiêm giám đốc Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh.
- + 03/2001 - 11/2003: Phó Giám đốc công ty sản xuất và dịch vụ vật tư kỹ thuật, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần VIAN
- + 12/2003 - đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần VIAN

Số cổ phần nắm giữ: 107.000 cổ phần, bằng 8.92 % vốn điều lệ (VĐL)

Những người có liên quan: 03 người

1. Lê Ngọc Việt: con trai, nắm giữ 60.840 cổ phần, bằng 5,07% VĐL
2. Lê Mạnh Hùng: con trai, nắm giữ 63.000 cổ phần, bằng 5.25% VĐL
3. Nguyễn Thị Thanh Thủy: con dâu, nắm giữ 92.700 cổ phần, bằng 7.73% VĐL

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Ủy viên HĐQT: Ông Nguyễn Văn Cường

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 11/5/1947
- + Nơi sinh: Uy nỡ , Đông Anh, Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Uy Nỡ, Đông Anh, Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: Xóm Bãi, Uy Nỡ, Đông Anh, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (04) 3883.6196
- + Trình độ văn hóa: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Trung cấp lý luận chính trị

Quá trình công tác:

- + 12/1975 – 3/1982: Tổ trưởng quản lý kho thuộc tổng kho Bắc Sông Hồng
- + 4/1982 – 4/1989 : Phó chủ nhiệm tổng kho Bắc Sông Hồng
- + 5/1989 – 01/2001: Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 02/2001 – 06/2007: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Vian
- + 7/2007 – nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Vian

Số cổ phần nắm giữ: 61.000 cổ phần, bằng 5,08 % VĐL

Những người có liên quan: 03 người

- + Nguyễn Thị Thúy Vân: con gái, nắm giữ 2.450 cổ phần, bằng 0.2% VĐL
- + Hồ Hữu Khởi: con rể, nắm giữ 1.110 cổ phần, bằng 0.09 % VĐL.
- + Nguyễn Thị Lợi: vợ, nắm giữ 1.500 cổ phần, bằng 0,13 % VĐL

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Ủy viên HĐQT: Ông Nguyễn Hữu Doanh

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 20/07/1961
- + Nơi sinh: Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam

- + Dân tộc : Kinh
- + Quê quán: Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (04) 3882.0408
- + Trình độ văn hóa: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản trị Doanh nghiệp - ĐH Bách khoa
- + Quá trình công tác:
 - + 11/1985 - 5/1995: Cán bộ trung tâm thí nghiệm điện C.ty điện lực 1
 - + 6/1995 - 12/1996: Cán bộ phòng kỹ thuật XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 1/1997 - 11/1998: Phó quản đốc phân xưởng XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 12/1998 - 1/2001: Quản đốc phân xưởng XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 02/2001 - 02/2004 : Ủy viên HĐQT, Quản đốc phân xưởng chế biến nước quả Công ty cổ phần VIAN
 - + 03/2004 - 12/2005: Trưởng Bộ môn nghiên cứu và phát triển Công ty cổ phần VIAN
 - + 1/2006 - 02/2006: Ủy viên HĐQT, Trưởng Bộ môn nghiên cứu và phát triển, Công ty cổ phần Vian
 - + 03/2006 - 6/2007: Ủy viên HĐQT, Quản đốc phân xưởng Công ty cổ phần VIAN
 - + 07/2007 - nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc thường trực phụ trách sản xuất Công ty cổ phần VIAN
- + Số cổ phần nắm giữ: 42.190 cổ phần, bằng 3.52% VDL
- + Những người có liên quan: Không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Ủy viên HĐQT: Ông Nguyễn Văn Quân

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 21/01/1961
- + Nơi sinh: Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (04) 3911.1076- 043.8837212
- + Trình độ văn hóa: 10/10

- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD - Đại học Kinh tế quốc dân
- + Quá trình công tác:
 - + 5/1985 - 4/1991: Cán bộ viện tư liệu phim Việt Nam
 - + 5/1991 - 10/1993: Cán bộ XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 11/1993 - 8/1994: Tổ trưởng văn phòng XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 9/1994 - 12/1996: Phó phòng TCHC XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 1/1997 - 1/2001: Trưởng phòng TCHC XN sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 02/2001 - 04/2001: Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần VIAN
 - + 05/2001 - 9/2004: Trưởng phòng thị trường Công ty cổ phần VIAN
 - + 10/2004 - 12/2005: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Công ty cổ phần VIAN
 - + 01/2006 - 06/2007: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Công ty cổ phần VIAN
 - + 07/2007 - nay: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần VIAN
- + Số cổ phần nắm giữ : 36.610 cổ phần, bằng 3.05% VDL
- + Những người có liên quan: 01 người
- + Đào Thị Oanh : vợ, nắm giữ 7.260 cổ phần, bằng 0.6% VDL
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Ủy viên HĐQT: Ông Đỗ Huy Bình

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 08/03/1979
- + Nơi sinh: Ba Đình – Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Giao tác – Liên Hà – Đông Anh +
- + Địa chỉ thường trú: Giao tác – Liên Hà – Đông Anh
- + Điện thoại liên lạc: (04) 3882.5062 – 043.8835485
- + Trình độ văn hóa: 12/12
- + Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa thực phẩm - Đại học Bách Khoa
- + Quá trình công tác:
 - + 9/2003 - 12/2005: Tổ trưởng tổ kỹ thuật -KCS
 - + 1/2006 - 2/2009: Ủy viên HĐQT, Cán bộ Phòng kỹ thuật - KCS Công ty cổ phần VIAN
 - + 3/2009 - nay: Ủy viên HĐQT, Phó Phòng kỹ thuật - KCS Công ty cổ phần VIAN

- + Số cổ phần nắm giữ: 52.320 cổ phần 4,36 % vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: Không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

c. Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2 (2006 – 2010) gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Kim Nhung	Trưởng ban	12/01/2006	
2	Nguyễn Văn Lại	Thành viên	12/01/2006	
3	Đinh Thị Xuân	Thành viên	21/01/2007	

- Trưởng Ban kiểm soát : Ông Nguyễn Kim Nhung

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 04/01/1951
- + Nơi sinh: Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (04) 3.884.1391
- + Trình độ văn hóa: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Bồi dưỡng quản lý kinh tế
- + Quá trình công tác:
 - + 6/1969 - 10/1971: Công nhân nhà máy C30
 - + 11/1971 - 4/1987: Công nhân nhà máy cơ khí đường Vạn điểm.
 - + 5/1987 – 5/1989 : Lao động hợp tác tại Irắc
 - + 6/1989 - 5/1992: CN nhà máy cơ khí thực phẩm Phú xuyên - Hà Tây
 - + 6/1992 - 8/1994: Tổ trưởng tổ KT - KCS xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 9/1994 - 4-1997: Phó phòng KT-KCS, Phó quản đốc phân xưởng xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 5/1997 - 11/1998: Phó quản đốc phân xưởng xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 12/1998 -10/2000: Quản đốc phân xưởng xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
 - + 11/2000 - 01/2001: Phó phòng Kỹ thuật - KCS Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh

- + 02/2001 - 12/2005: Phó phòng Kỹ thuật - KCS Công ty cổ phần VIAN
- + 01/2006 – 04/2009: Trưởng BKS, Phó phòng Kỹ thuật – KCS Công ty cổ phần VIAN
- + Từ T5/2009 : Cán bộ nghỉ hưu, Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần VIAN.
- + Số cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần 0.17% vốn điều lệ
- + Những người có liên quan: 01 người
- + Nguyễn Thị Hương: con gái, nắm giữ 160 cổ phần, bằng 0.01 % VDL
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Thành viên ban kiểm soát : Ông Nguyễn Văn Lại

- + Giới tính: Nam
- + Ngày tháng năm sinh: 30/09/1959
- + Nơi sinh: Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội
- + Địa chỉ thường trú: Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (04) 38800.320 - 043.883.3295
- + Trình độ văn hóa: 10/10
- + Trình độ chuyên môn: Trung cấp quân sự
- + Quá trình công tác:
- + 5/1992 - 12/1992 : Nhân viên bảo vệ Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 1/1993 - 4/1996 : Tổ trưởng tổ bảo vệ Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 5/1996 - 12/1996 : Phó ban bảo vệ Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh

Anh

- + 01/1997 - 10/2000: Trưởng ban bảo vệ Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 11/2000 - 12/2005: Phó phòng TC-HC kiêm trưởng ban bảo vệ Công ty cổ phần VIAN.
- + 01/2006 - nay: Thành viên BKS, Phó phòng TC - HC kiêm trưởng ban bảo vệ Công ty cổ phần VIAN.
- + Số cổ phần nắm giữ : 43.400 cổ phần, bằng 3.62% VDL
- + Những người có liên quan: Không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

- Thành viên Ban kiểm soát : Bà Đinh Thị Xuân

- + Giới tính: Nữ
- + Ngày tháng năm sinh: 08/02/1970
- + Nơi sinh: Thị trấn Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định.
- + Quốc tịch: Việt Nam
- + Dân tộc: Kinh
- + Quê quán: Thị trấn Liễu Đề -Nghĩa Hưng ,Nam Định
- + Địa chỉ thường trú: Xóm ngoài Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội
- + Điện thoại liên lạc: (04) 3965.1537 – 043.883.3295
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD - Đại học thủy sản Nha trang

Quá trình công tác:

- + 4/1994 - 4/1995: Công nhân Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 5/1995 - 12/1996: Nhân viên văn thư Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 1/1997 - 03/2000: Phó phòng TC-HC Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 04/2000 - 10/2000: Phó quản đốc phân xưởng Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 11/2000 - 1/2001: Phó phòng TC- HC Xí nghiệp sản xuất và dịch vụ vật tư Đông Anh
- + 02/2001 - 8/2002: Phó phòng TC - HC Công ty cổ phần VIAN
- + 9/2002 - nay: Trưởng phòng TC - HC Công ty cổ phần VIAN
- + Số cổ phần nắm giữ: 20.780 cổ phần, bằng 1.73 % VDL
- + Những người có liên quan: Không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 Công ty đã chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- + Tổng chi thù lao của Hội đồng quản trị là: 84.518.782 đồng.
- + Tổng chi thù lao của Ban Kiểm soát là: 21.388.732 đồng.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 31/12/2009)

a. Cơ cấu cổ đông.

Stt	Danh mục	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông pháp nhân	1.748.800.000	14.57
	<i>Trong đó</i>		
	Cổ đông trong nước: 01	1.748.800.000	14.57

	Cổ đông nước ngoài : 0	0	0
2	Cổ đông thể nhân	10.251.200.000	85.43
	<i>Trong đó</i>		
	Cổ đông trong nước: 118	10.251.200.000	85.43
	Cổ đông nước ngoài : 0	0	0
	Tổng cộng	12.000.000.000	100

b. Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập.

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD / CMT	Địa chỉ	Giá trị (1.000 đ)	Tỷ lệ (%)
1	Lê văn Xuân	010457316	Số 2, ngõ 97, Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.	1.070.000	8.92
2	Nguyễn Hữu Doanh	010411976	Lương Quy, Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội.	421.900	3.52
3	Nguyễn Đức Khoan	010484499	Xóm Bải, Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội.	148.300	1.24
6	Ông Nguyễn Văn Cường	010484480	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội.	610.000	5.08
Tổng cộng				2.250.200	18.76

c. Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn.

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD / CMT	Địa chỉ	Giá trị (1.000 đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty rau quả nông sản	0106000870	Số 2, Phạm Ngọc Thạch, Hà Nội	1.748.800	14.57
2	Ông Lê Văn Xuân	010457316	Số 2, ngõ 97, Nguyễn Trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	1.070.000	8.92
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	011911087	16H, ngõ 105, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	927.000	7.73
4	Ông Lâm Hưng	010310011	98, Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	904.400	7.54
5	Ông Lê Mạnh Hùng	011844547	16H, ngõ 105, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	630.000	5.25
6	Ông Nguyễn Văn Cường	010484480	Uy Nỗ- Đông Anh- Hà Nội	610.000	5.08
7	Ông Lê Ngọc Việt	011733960	Số 20- Ngõ Quan Thổ 1- Hàng Bột- Đống Đa - Hà Nội	608.400	5.07
Tổng cộng				6.498.600	54.16

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN: 01
- HĐQT: 1
- BKS: 1
- Chánh, PhóGD: 3
- KTTC : 1
- Lưu VT: 1

Lê Văn Xuân